

A. Nội dung kiến thức

Chương 1. Giới thiệu chung về lâm nghiệp

Bài 1. Vai trò và triển vọng của lâm nghiệp

Bài 2: Các hoạt động lâm nghiệp cơ bản và nguyên nhân chủ yếu làm suy thoái tài nguyên rừng

Chương 2. Trồng và chăm sóc rừng

Bài 3: Vai trò, nhiệm vụ của trồng và chăm sóc rừng

Bài 4: Quy luật sinh trưởng và phát triển của cây rừng

Bài 5: Kỹ thuật trồng và chăm sóc rừng

Chương 3. Bảo vệ và khai thác tài nguyên rừng bền vững

Bài 6: Ý nghĩa, nhiệm vụ, thực trạng của việc bảo vệ và khai thác rừng

Bài 7: Biện pháp bảo vệ và khai thác tài nguyên rừng

Chương 4. Giới thiệu chung về thủy sản

Bài 8: Vai trò và triển vọng của thủy sản

Bài 9: Các nhóm thủy sản và một số phương thức nuôi phổ biến

Chương 5. Môi trường nuôi thủy sản

Bài 10: Giới thiệu về môi trường nuôi thủy sản

Bài 11: Quản lý môi trường nuôi thủy sản

Bài 12: Biện pháp xử lý môi trường nuôi thủy sản

B. Câu hỏi tham khảo

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Mỗi câu hỏi, học sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Lâm nghiệp có vai trò gì đối với môi trường?

A. Cung cấp thực phẩm cho con người.

B. Điều hòa khí hậu và bảo vệ đất.

C. Tạo ra nguồn năng lượng tái tạo.

D. Giảm sự phát triển kinh tế.

Câu 2. Cung cấp gỗ cho công nghiệp chế biến để phục vụ nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu là một trong những vai trò quan trọng của

A. chăn nuôi.

B. lâm nghiệp.

C. trồng trọt.

D. thủy sản.

Câu 3. Vai trò chủ yếu của trồng rừng phòng hộ đầu nguồn là

A. giúp chắn gió, chắn cát bay, ngăn chặn sự xâm nhập mặn của nước biển.

B. giúp phục hồi hệ sinh thái, phủ xanh đất trống, đồi núi trọc.

C. điều tiết nguồn nước cho các dòng chảy, hạn chế xói mòn.

D. cung cấp gỗ và lâm sản cho con người.

Câu 4. Nội dung nào sau đây là đúng khi nói về vai trò của lâm nghiệp?

A. Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng cơ bản.

B. Cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy chế biến sữa.

C. Cung cấp phân bón cho trồng trọt.

D. Cung cấp nguồn thức ăn phục vụ nuôi trồng thủy sản.

Câu 5: Đối tượng của sản xuất lâm nghiệp là gì?

A. Cây rừng có chu kỳ sống ngắn.

B. Cây rừng có chu kỳ sống dài.

C. Các loài động vật quý hiếm.

D. Đất trồng rừng.

Câu 6: Trong một chu kỳ sản xuất, hoạt động sản xuất lâm nghiệp tập trung nhiều vào thời gian nào?

A. Những năm giữa và năm cuối.

B. Những năm giữa.

C. Những năm đầu và năm cuối.

D. Những năm đầu.

Câu 7. Quản lý rừng bao gồm các hoạt động nào dưới đây?

A. Giao rừng, cho thuê rừng.

B. Bảo vệ động thực vật rừng.

C. Trồng mới rừng, trồng lại rừng. D. Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng.

Câu 8. Khai thác lâm sản nằm trong hoạt động lâm nghiệp nào dưới đây?

A. Sử dụng rừng.

B. Phát triển rừng.

C. Chế biến và thương mại lâm sản.

D. Quản lý rừng.

Câu 9. Ý nào **không** phải là lợi ích của việc giao, cho thuê rừng và thu hồi rừng, đất trồng rừng?

A. Tăng thu nhập, tạo sinh kế cho người dân.

B. Nâng cao giá trị đa mục đích của rừng.

C. Nâng cao khả năng khai thác rừng trồng.

D. Hợp pháp hoá săn bắt, khai thác động thực vật quý hiếm.

Câu 10. Hoạt động nào sau đây góp phần kiểm soát được tình trạng suy giảm về số lượng, chất lượng của các loài động, thực vật hoang dã, quý hiếm?

A. Hạn chế xây dựng các khu bảo tồn, vườn quốc gia.

B. Nghiêm cấm hoạt động mua bán các loài động, thực vật hoang dã, quý hiếm.

C. Chuyển toàn bộ động vật hoang dã, quý hiếm đến cùng một chỗ để dễ chăm sóc.

D. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về kinh tế và chính trị.

Câu 11: Phát biểu nào sau đây **không đúng** về vai trò của trồng rừng?

A. Trồng rừng giúp phục hồi hệ sinh thái rừng.

B. Trồng rừng giúp bảo vệ môi trường sống của hệ động, thực vật tự nhiên.

C. Trồng rừng giúp cung cấp các loại lâm sản quý hiếm cho con người.

D. Trồng rừng giúp phủ xanh đất trống, đồi núi trọc.

Câu 12. Nhận định nào đúng khi nói về nhiệm vụ của trồng rừng?

A. Ngăn chặn hoạt động chăn thả gia súc tự do vào hệ sinh thái rừng.

B. Trồng rừng sản xuất ở các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên để khai thác lâm sản.

C. Trồng rừng ở các vườn quốc gia, khu bảo tồn để góp phần bảo tồn đa dạng sinh học.

D. Thường xuyên làm cỏ, vun xới, bón phân, tưới nước cho cây rừng

Câu 13: Phát biểu nào sau đây về kỹ thuật tia cành chăm sóc rừng là đúng ?

A. Khi tia cành chỉ cắt bỏ 1/2 đoạn cành không đạt yêu cầu.

B. Thời điểm tia cành nên vào mùa mưa để không ảnh hưởng tới cây trồng.

C. Tia cành là loại bỏ các cành già phía dưới tán, có hiệu suất quang hợp kém.

D. Chỉ tia cành duy nhất 1 lần với cây rừng để không ảnh hưởng tới quá trình sinh trưởng và phát triển của cây rừng.

Câu 14. Vai trò của các hoạt động chăm sóc rừng nào sau đây là đúng?

A. Làm cỏ giúp giảm sự cạnh tranh ánh sáng cho cây rừng.

B. Làm cỏ giúp phá bỏ nơi ẩn nấp của sâu bệnh hại.

C. Tia cành giúp giảm sự cạnh tranh ánh sáng giữa cây đại và cây rừng.

D. Tia thưa giúp cây rừng không mất chất dinh dưỡng.

Câu 15. Các đại lượng biểu thị cho sự sinh trưởng của cây rừng là:

A. sự tăng trưởng kích thước, chiều cao và thể tích cây

B. sự tăng trưởng đường kính, chiều cao và thể tích cây

C. số lượng gỗ khai thác được trong 1 năm

D. số lượng hoa, quả ra hàng năm

Câu 16. Chỉ tiêu nào dưới đây **không** được sử dụng để đánh giá khả năng sinh trưởng của cây rừng?

A. Thể tích cây.

B. Chiều cao cây.

C. Đường kính thân cây.

D. Tỷ lệ đậu quả.

Câu 17. Nội dung nào sau đây đúng khi nói về mối quan hệ giữa sinh trưởng và phát triển của cây rừng?

A. Sinh trưởng thường diễn ra vào ban ngày, phát triển thường diễn ra vào ban đêm.

B. Phát triển diễn ra chủ yếu ở giai đoạn cây còn non.

C. Sinh trưởng tích lũy vật chất làm điều kiện để cây rừng phát triển.

D. Phát triển là những biểu hiện cụ thể của quá trình sinh trưởng.

Câu 18. Một trong những đặc điểm của cây rừng ở giai đoạn non là

A. chống chịu tốt với các điều kiện bất lợi của môi trường.

B. đáp ứng tốt với các biện pháp chăm sóc như bón phân, làm cỏ, vun xới, tưới nước.

C. ít chịu tác động của sâu, bệnh hại.

D. chỉ có sự tăng trưởng về chiều cao, không có sự tăng trưởng về kích thước.

Câu 19. Trong kỹ thuật trồng rừng, phương thức gieo hạt đồng đều trên toàn bộ diện tích đất gieo là:

A. Phương thức gieo toàn diện.

B. Phương thức gieo cục bộ.

C. Phương thức gieo theo hàng.

D. Phương thức gieo theo hốc.

Câu 20. Trong kỹ thuật trồng rừng, gieo hạt bằng cách cứ một cự li nhất định thì làm đất theo hố hoặc ô, mỗi ô gieo từ 3-5 hạt là phương thức gieo hạt nào sau đây?

A. Phương thức gieo toàn diện.

B. Phương thức gieo cục bộ.

C. Phương thức gieo theo hàng.

D. Phương thức gieo theo khóm.

Câu 21. So với trồng rừng bằng cây con, trồng rừng bằng gieo hạt có nhược điểm gì?

A. Tốn nhiều hạt giống, tốn nhiều công chăm sóc hơn trồng bằng cây con.

B. Chi phí cao hơn so với trồng bằng cây con.

C. Khó vận chuyển hạt đến những khu vực có địa hình phức tạp.

D. Khó áp dụng cho các vùng đất rộng lớn.

Câu 22. So với trồng rừng bằng gieo hạt, trồng rừng bằng cây con có ưu điểm gì?

A. Tiết kiệm hạt giống, giảm số lần và thời gian chăm sóc.

B. Chi phí thấp hơn so với trồng bằng cây hạt.

C. Bộ rễ của cây con được bảo đảm, không bị biến dạng trong quá trình ươm cây và vận chuyển.

D. Có thể áp dụng cho những khu vực có địa hình phức tạp, khó vận chuyển hạt.

Câu 23: Bảo vệ và khai thác rừng bền vững giúp

A. nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng tài nguyên rừng.

B. tạo môi trường sống phong phú cho các loài vật nuôi.

C. bảo tồn nguồn gene các loài động vật, thực vật quý hiếm.

D. cung cấp lâm sản cho nhu cầu tiêu dùng của con người.

Câu 24: Chủ rừng có nhiệm vụ gì trong bảo vệ và khai thác rừng bền vững?

A. Xây dựng và thực hiện phương án, biện pháp bảo vệ hệ sinh thái rừng.

B. Tổ chức chỉ đạo phòng cháy, chữa cháy rừng, phòng trừ sinh vật gây hại rừng.

C. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng.

D. Kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng.

Câu 25. Trong các phương thức khai thác tài nguyên rừng, khai thác trắng là

A. chặt toàn bộ cây rừng ở một khu vực nhất định trong nhiều mùa khai thác.

B. chặt toàn bộ cây rừng ở một khu vực nhất định trong một mùa khai thác.

C. chỉ khai thác những cây già yếu có nguy cơ bị chết.

D. khai thác toàn bộ cây rừng và không trồng lại cây mới.

Câu 26. Để phục hồi rừng sau khai thác trắng cần phải tiến hành hoạt động nào sau đây?

A. Bón phân cho cây rừng.

B. Trồng rừng.

C. Tưới nước cho cây rừng.

D. Chăm sóc rừng.

Câu 27. Việc xây dựng và bảo vệ các khu bảo tồn thiên nhiên sẽ góp phần quan trọng trong việc nào sau đây?

A. Trồng rừng giúp cung cấp gỗ và các loại lâm sản ngoài gỗ.

B. Bảo vệ tính nguyên vẹn của hệ sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học.

C. Nghiêm cấm các hành vi phá hoại tài nguyên rừng.

D. Thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng chống cháy rừng.

Câu 28. Để ngăn chặn các hành vi làm suy thoái tài nguyên rừng cần làm gì?

A. Tăng cường tuần tra, giám sát để ngăn chặn hành vi khai thác rừng trái quy định

B. Lắp các biển báo ở khu vực có nguy cơ cao cháy rừng

C. Trồng cây xanh ở khuôn viên trường học, bệnh viện

D. Bảo vệ nguồn gen sinh vật quý hiếm

Câu 29. Phương thức khai thác trắng **không** nên áp dụng ở khu vực nào?

A. Nơi có độ dốc cao, lượng mưa nhiều

B. Địa hình bằng phẳng, lượng mưa ít

C. Độ dốc thấp, lượng mưa ít

B. Địa hình bằng phẳng, lượng mưa trung bình

Câu 30. Phương thức khai thác rừng mà rừng có thể tự phục hồi là gì?

A. Khai thác tự do, khai thác trắng

B. Khai thác trắng, khai thác dần

C. Khai thác trắng, khai thác từ từ

D. Khai thác chọn, khai thác dần

Câu 31. Yêu cầu nào phù hợp nhất khi nói về yêu cầu cơ bản của lao động trong một số ngành nghề phổ biến trong thủy sản?

A. Có kiến thức, kỹ năng cơ bản về lĩnh vực khai thác gỗ.

B. Có kiến thức, kỹ năng cơ bản về ngành nghề thủy sản

C. Có kiến thức, kỹ năng cơ bản về ngành nghề trong lĩnh vực chăn nuôi.

D. Có khả năng sử dụng, vận hành các thiết bị, máy móc trong lĩnh vực bảo quản và chế biến nông sản.

Câu 32: Ý nào **không** phải là xu hướng của phát triển thủy sản ở Việt Nam và thế giới?

A. Phát triển bền vững gắn với bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

B. Giảm tỉ lệ nuôi, tăng tỉ lệ khai thác để phát triển bền vững.

C. Áp dụng công nghệ cao để phát triển bền vững.

D. Hướng tới nuôi trồng theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP.

Câu 33. Các loài thủy sản được phân loại dựa vào các tiêu chí nào?

A. Nguồn gốc và đặc tính sinh sản.

B. Nguồn gốc và đặc tính sinh vật học.

C. Thức ăn và môi trường sống.

D. Nơi sinh sống và loại thức ăn.

Câu 34. Phương thức nuôi trồng thủy sản nào phụ thuộc hoàn toàn vào nguồn thức ăn nhân tạo?

A. Nuôi trồng thủy sản thâm canh.

B. Nuôi trồng thủy sản bán thâm canh.

C. Nuôi trồng thủy sản quảng canh.

D. Nuôi trồng thủy sản quảng canh cải tiến.

Câu 35. Sự tăng trưởng của loài thủy sản nuôi trong ao nuôi bán thâm canh phụ thuộc vào?

A. Nguồn thức ăn tự nhiên.

B. Nguồn thức ăn tự nhiên và nguồn thức nhân tạo.

C. Nguồn thức ăn thủy sản.

D. Nguồn thức ăn công nghiệp.

Câu 36. Ưu điểm của phương thức nuôi trồng thủy sản bán thâm canh?

A. Kiểm soát được các khâu trong quá trình chăn nuôi.

B. Năng suất và sản lượng rất cao.

C. Vốn vận hành sản xuất rất thấp.

D. Dễ dàng vận hành và quản lí.

Câu 37. Khi độ trong của nước ao nuôi thủy sản thấp, điều gì có thể bị ảnh hưởng?

A. Sự quang hợp của thực vật phù du bị ngăn cản.

B. Lượng oxygen trong ao tăng.

C. Vi sinh vật có lợi hoạt động mạnh.

D. Động vật thủy sản có nhiều thức ăn tự nhiên.

Câu 38. Vai trò quan trọng nhất của sinh vật phù du trong môi trường nuôi thủy sản là gì?

A. Là nguồn thức ăn chính cho các loài thủy sản tự nhiên.

B. Là sinh vật sản xuất, đứng đầu lưới thức ăn dưới nước.

C. Làm giảm lượng chất độc trong nước.

D. Hấp thụ và tích lũy một số kim loại nặng có trong nước.

Câu 39. Quy trình nuôi thủy sản cần chú ý điều gì để đảm bảo môi trường không bị ô nhiễm?

A. Tăng cường bổ sung thức ăn cho thủy sản.

B. Đảm bảo mật độ nuôi phù hợp và xử lý chất thải đúng cách.

C. Không cần quan tâm đến quy trình nuôi.

D. Thay nước thường xuyên, tốt nhất mỗi tháng một lần.

Câu 40. Khi nuôi thủy sản trong môi trường nước đứng, biện pháp nào được áp dụng để hỗ trợ sự lưu động của nước?

- A. Sử dụng gió nhân tạo.
- B. Bơm, sục khí, khuấy đảo nước hoặc thay nước.
- C. Ổn định nhiệt độ môi trường trong ao nuôi.
- D. Tăng cường lượng thức ăn.

Câu 41. Yếu tố quan trọng đầu tiên trong quản lý môi trường nuôi thủy sản?

- A. Thời tiết.
- B. Độ sâu.
- C. Giống.
- D. Nguồn nước.

Câu 42. Quản lý yếu tố thủy hóa trong nuôi thủy sản là quản lý:

- A. Độ trong.
- B. Vi sinh vật.
- C. Nhiệt độ.
- D. Hàm lượng oxygen.

Câu 43. Để quản lý các yếu tố thủy hóa trong ao nuôi thủy sản người ta cần làm gì?

- A. Thường xuyên kiểm tra nhiệt độ, độ trong của nước.
- B. Kịp thời xử lý thức ăn dư thừa và chất thải.
- C. Định kì kiểm tra sự có mặt của tảo trong nước, các yếu tố thủy sinh.
- D. Định kì đo độ mặn, pH, hàm lượng oxygen.

Câu 44: Bước cuối cùng trong xử lý nước trước khi nuôi thủy sản là:

- A. bón phân gây màu.
- B. khử hoá chất.
- C. diệt tạp, khử khuẩn.
- D. lắng lọc.

Câu 45: Đặc điểm của nước sau quá trình nuôi thủy sản là

- A. chứa nhiều chất dinh dưỡng.
- B. chứa nhiều chất độc hại.
- C. chứa nhiều oxygen.
- D. chứa nhiều phù sa.

Câu 46: Ý nào **không** phải một ứng dụng của công nghệ sinh học trong xử lý môi trường nuôi thủy sản?

- A. Xử lý chất thải hữu cơ.
- B. Xử lý khí độc.
- C. Xử lý các chất rắn lơ lửng trong nước.
- D. Xử lý vi sinh vật gây hại.

Câu 47: Mục đích của lắng lọc trong xử lý nước trước khi nuôi thủy sản là gì?

- A. Bỏ sung các chất dinh dưỡng cho các loài sinh vật phù du phát triển.
- B. Loại bỏ chất thải, bổ sung oxygen.
- C. Tiêu diệt các vi sinh vật có hại, mầm bệnh cũng như một số ấu trùng khác.
- D. Loại trừ rác, cá tạp, các tạp chất lơ lửng trong nước.

Câu 48. Ý nghĩa của bước bón phân gây màu khi xử lý nguồn nước trước khi nuôi thủy sản là:

- A. bổ sung dinh dưỡng cho các loài sinh vật phù du phát triển.
- B. loại trừ rác, cá tạp, các tạp chất lơ lửng trong nước.
- C. tiêu diệt các vi sinh vật có hại, mầm bệnh, ấu trùng.
- D. diệt tạp và giảm độ chua.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai

Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, học sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Trong tiết học Công nghệ với nội dung về triển vọng của thủy sản trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, nhóm báo cáo đã đưa ra một số nhận định để thảo luận như sau:

- a. Trong thời gian tới, ngành thủy sản sẽ phát triển thành ngành kinh tế quan trọng của quốc gia có công nghệ tiên tiến, quy mô sản xuất hàng hóa lớn.
- b. Trong thời gian tới, kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sẽ dẫn đầu thế giới.
- c. Trong thời gian tới, lao động thủy sản có mức thu nhập cao hơn mức bình quân chung cả nước và cao nhất trong nhóm lao động ở lĩnh vực sản xuất.
- d. Trong thời gian tới, công nghệ AI được tăng cường áp dụng vào sản xuất và quản lý thủy sản.

Câu 2. Giáo viên giao nhiệm vụ cho học sinh làm bài tập nhóm về tìm hiểu "Xu hướng phát triển thủy sản ở Việt Nam và trên thế giới", một bạn học sinh nêu vấn đề cần trao đổi như sau:

- a. Phát triển thủy sản bền vững gắn với bảo vệ nguồn lợi thủy sản là xu hướng phát triển của hầu hết các quốc gia trên thế giới.
- b. Phát triển thủy sản bền vững cần tăng tỉ lệ nuôi, giảm tỉ lệ khai thác.

- c. Nuôi trồng thủy sản bền vững bắt buộc phải tuân theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP.
- d. Áp dụng công nghệ cao sẽ giúp ngành Thủy sản phát triển bền vững, bảo tồn các nguồn tài nguyên thiên nhiên, không làm suy thoái môi trường.

Câu 3. Khi thảo luận về các phương thức nuôi trồng thủy sản phổ biến ở Việt Nam, nhóm học sinh đưa ra một số ý kiến như sau:

- a. Diện tích ao, đầm nuôi thâm canh thường rất lớn.
- b. Phương thức nuôi thủy sản quảng canh thường cho năng suất cao, kiểm soát được quá trình nuôi trong các khâu.
- c. Ưu điểm của phương thức nuôi trồng thủy sản quảng canh là vốn vận hành sản xuất thấp do không phải chi phí nhiều cho con giống và thức ăn, ít rủi ro.
- d. Phương thức nuôi thâm canh có mật độ thả giống cao.

Câu 4. Nhóm học sinh tìm hiểu về các phương pháp nuôi trồng thủy sản tại Việt Nam, trong buổi báo cáo nhóm, các bạn đã đưa ra một số ý kiến thảo luận như sau:

- a. Nuôi trồng thủy sản bán thâm canh sử dụng nguồn thức ăn từ tự nhiên và thức ăn do con người cung cấp.
- b. Phương thức nuôi thâm canh cho năng suất cao hơn so với phương thức nuôi quảng canh và bán thâm canh.
- c. Nếu điều kiện vốn đầu tư thấp, diện tích mặt nước rộng nên lựa chọn phương thức nuôi thâm canh.
- d. Khi tiến hành nuôi thủy sản thâm canh cần chuẩn bị tốt các trang thiết bị hỗ trợ cho quá trình nuôi.

Câu 5. Một nhóm học sinh được giao nhiệm vụ thuyết trình về chủ đề “Phân loại các nhóm thủy sản”. Trước khi báo cáo, nhóm đã thảo luận để thống nhất một số nội dung còn vướng mắc. Sau đây là một số ý kiến:

- a. Căn cứ vào nguồn gốc, các loài thủy sản được phân loại thành: thủy sản bản địa và thủy sản nhập nội.
- b. Thủy sản bản địa là những loài thủy sản có nguồn gốc và phân bố trong môi trường tự nhiên, ở khu vực địa lí xác định tại Việt Nam.
- c. Những loài thủy sản có thức ăn là cả động vật, thực vật và mùn bã hữu cơ như cá rô phi là nhóm thủy sản ăn động vật.
- d. Dựa vào đặc tính sinh vật học, có thể phân loại thủy sản thành 3 nhóm là nhóm cá, nhóm bò sát, nhóm nhuyễn thể.

Phần III. Tự luận

Câu 1. Việc phá rừng để trồng cây công nghiệp và cây đặc sản đang gây ra những tác động tiêu cực đến môi trường và hệ sinh thái. Em hãy đề xuất những giải pháp hiệu quả nhằm hạn chế việc phá rừng cho mục đích này?

Câu 2. Ở một số khu vực miền núi, việc khai thác gỗ và săn bắn trái phép vẫn diễn ra phổ biến, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tài nguyên rừng. Mặc dù có các biện pháp quản lý của chính quyền địa phương, nhưng việc bảo vệ rừng vẫn gặp nhiều khó khăn do sự thiếu ý thức bảo vệ tài nguyên thiên nhiên của người dân, đặc biệt là trong các cộng đồng dân tộc thiểu số. Vận dụng kiến thức đã học, em hãy đề xuất biện pháp nâng cao ý thức bảo vệ tài nguyên rừng cho người dân?

Câu 3. Môi trường nuôi thủy sản đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ và phát triển ngành thủy sản bền vững. Tuy nhiên, có nhiều yếu tố ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường nuôi thủy sản. Em hãy đề xuất một số biện pháp nhằm hạn chế các yếu tố ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường nuôi thủy sản?